

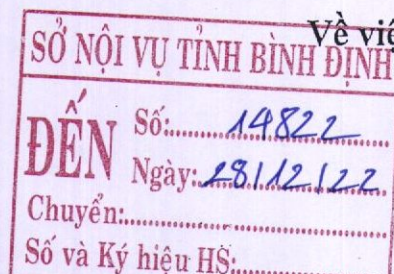
Số: 4268/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND
tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước
giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND
tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà
nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của
UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa
phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của
UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân
sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của
UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân
sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của
UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân
sách nhà nước và kế hoạch năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như Phụ lục 01 đính kèm.

2. Bổ sung 70.000 triệu đồng vốn ngân sách trung ương để đầu tư dự án Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chăm Dương Long như Phụ lục 02 đính kèm.

3. Bổ sung 40.000 triệu đồng nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh để đầu tư dự án Cầu Hữu Giang (kết nối QL19 đi đường ĐH.26), xã Tây Giang, huyện Tây Sơn như Phụ lục 03 đính kèm.

4. Điều chỉnh giảm 582.450 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương của các dự án giãn tiến độ, giảm quy mô để bố trí cho các đề án, dự án quan trọng, cấp bách phát sinh chưa có trong kế hoạch trung hạn và các dự án đã có trong kế hoạch trung hạn có nhu cầu bổ sung vốn; bố trí bổ sung 1.273.821 triệu đồng cho các đề án, dự án quan trọng, cấp bách như Phụ lục 04 đính kèm.

5. Điều chỉnh, bổ sung nội bộ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã giao cho các đơn vị như Phụ lục 05 đính kèm.

6. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình hạ tầng để phát triển quỹ đất; các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh giai đoạn 2021-2025 tại phụ lục 06 của Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh như Phụ lục số 06 đính kèm.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đến các chủ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ch*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&ĐT, Bộ TC;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K1. *ch*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng



BIỂU CHỈNH, BỔ SUNG TỔNG NGUỒN
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
 Kèm theo Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021- 2025	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giai đoạn 2021- 2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ	40.881.646	1.383.821	42.265.467	
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	29.273.056	1.313.821	30.586.877	
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NSDP	21.605.800	5.800.000	27.405.800	
1	Vốn đầu tư tập trung	3.141.300	-	3.141.300	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	17.300.000	5.800.000	23.100.000	
2.1	Giao huyện, thị xã, thành phố thực hiện	10.000.000		10.000.000	
2.2	Vốn tỉnh bố trí	7.300.000	5.800.000	13.100.000	
a	Chuyển kế hoạch từ nguồn tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh		4.526.179		
b	Bổ sung mới		1.273.821		
3	Vốn xã số kiến thiết	632.000		632.000	
4	Bội chi ngân sách	532.500		532.500	
II	NGUỒN TIỀN BÁN NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC	21.900		21.900	
III	NGUỒN VỐN KHÁC CỦA NGÂN SÁCH TỈNH	55.699	40.000	95.699	
IV	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	7.015.349	-4.526.179	2.489.170	
	Trong đó			-	
	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh	6.140.000	-4.526.179	1.613.821	
	Nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp	875.349		875.349	
V	NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB CỦA DỰ ÁN ĐƯỜNG QL 19 VÀ CÁC DỰ ÁN CỦA BAN GPMB	354.138		354.138	
VI	NGUỒN TẶNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021 VÀ NGUỒN HOÀN TRẢ NĂM 2021	220.170		220.170	
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	11.608.589	70.000	11.678.589	
I	VỐN TRONG NƯỚC	9.574.889	70.000	9.644.889	
	Trung ương hỗ trợ có mục tiêu	7.923.916	70.000	7.993.916	
	Trong đó:				
	Văn hóa, thông tin		70.000	70.000	
II	VỐN ODA	2.033.700		2.033.700	

**DANH MỤC BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

Kèm theo Quyết định số ~~4268~~ **4268** /QĐ-UBND ngày **18** /12/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/QĐ đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW	Điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch trung hạn vốn NSTW sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/ năm ban hành	TMBĐT dự kiến				
	TỔNG SỐ		93.996	-	70.000	70.000	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chăm Dương Long		93.996		70.000	70.000	

**DANH MỤC BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC CỦA NGÂN SÁCH TỈNH**

Kèm theo Quyết định số ~~428~~ 428/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/QĐ đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/ năm ban hành	TMĐT dự kiến				
	TỔNG SỐ		153.326	10.000	40.000	50.000	
1	Cầu Hữu Giang (kết nối QL19 đi đường ĐH.26), xã Tây Giang, huyện Tây Sơn	41/NQ-HĐND; 07/9/2022	153.326	10.000	40.000	50.000	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn



**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

Kèm theo Quyết định số ~~4282~~ **4282**-UBND ngày ~~18~~ **18**/12/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Trong đó		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMDT			Điều chỉnh do giãn tiến độ, giảm quy mô thực hiện các dự án	Bổ sung tổng nguồn		
	TỔNG SỐ				1.273.821	-	1.273.821		
A	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM		5.282.978	593.450	-582.450	-582.450	-	11.000	
I	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn các dự án giãn tiến độ		5.271.978	575.450	-575.450	-575.450	-	-	
	Giao thông vận tải		4.339.220	434.000	-434.000	-434.000	-	-	
1	Xây dựng cầu kết nối đến tháp Bánh Ít		160.000	75.000	-75.000	-75.000		-	
2	Tuyến tránh ĐT.629 đoạn qua An Hòa đến thị trấn An Lão		280.000	10.000	-10.000	-10.000		-	
3	Cầu Thị Nại 2	04/NQ-HĐND; 17/7/2020	1.888.670	10.000	-10.000	-10.000		-	
4	Tuyến đường dẫn ra cảng tổng hợp Khu kinh tế Nhơn Hội		205.000	80.000	-80.000	-80.000		-	
5	Nâng cấp một số đoạn tuyến đảm bảo giao thông thông suốt không bị ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ trên tuyến đường ĐT.629		280.000	75.000	-75.000	-75.000		-	
6	Trồng cây cảnh quan và hệ thống điện chiếu sáng (đoạn K0-T0) tuyến đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội		40.000	40.000	-40.000	-40.000		-	
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636, đoạn qua xã Phước Quang, huyện Tuy Phước		249.700	12.000	-12.000	-12.000		-	
8	Mở rộng tuyến Quốc lộ 19C đoạn Km26 + 600 – Km28+815 qua thị trấn Văn Canh		456.850	12.000	-12.000	-12.000		-	
9	Đường phía Tây huyện Văn Canh (từ Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đến Thị trấn Văn Canh)	87/NQ-HĐND; 11/12/2021	779.000	120.000	-120.000	-120.000		-	
	HTKT đô thị, môi trường, KDC, khu TĐC, chợ, điện		253.808	38.000	-38.000	-38.000	-	-	
1	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Hội lên 4.000m3/ngày đêm		25.000	20.000	-20.000	-20.000		-	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa	21/NQ-HĐND; 20/7/2022	228.808	18.000	-18.000	-18.000		-	
	Lao động, thương binh và xã hội		30.000	20.000	-20.000	-20.000	-	-	
1	Xây dựng Đài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ tỉnh Bình Định		30.000	20.000	-20.000	-20.000		-	
	Quản lý nhà nước - Quốc phòng an ninh		17.450	17.450	-17.450	-17.450	-	-	
1	Cải tạo hang động tự nhiên		4.000	4.000	-4.000	-4.000		-	
2	Doanh trại Đại đội thông tin/ Bộ CHQS tỉnh Bình Định	3456/QĐ-UBND; 14/10/2022	6.450	6.450	-6.450	-6.450		-	
3	Hạt Kiểm lâm liên huyện Tuy Phước - TP. Quy Nhơn		7.000	7.000	-7.000	-7.000		-	
	Thông tin truyền thông		101.500	31.000	-31.000	-31.000	-	-	
1	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định		60.000	10.000	-10.000	-10.000		-	
2	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hợp không giấy, Huyện Vĩnh Thạnh		14.500	11.000	-11.000	-11.000		-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn gini đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Trong đó		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMDT			Điều chỉnh do giãn tiến độ, giảm quy mô thực hiện các dự án	Bổ sung tổng nguồn		
3	Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan Nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử và đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025, Huyện Phù Cát		27.000	10.000	-10.000	-10.000		-	
	Văn hóa thể thao		515.000	30.000	-30.000	-30.000	-	-	
1	Bảo tàng tỉnh Bình Định		400.000	10.000	-10.000	-10.000		-	
2	Phục dựng cảnh quan giá sơn kết nối với cảnh quan Bảo tàng Quang Trung		115.000	20.000	-20.000	-20.000		-	
	Y tế		15.000	5.000	-5.000	-5.000	-	-	
1	Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm Bình Định		15.000	5.000	-5.000	-5.000		-	
II	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn dự án giảm quy mô đầu tư		11.000	18.000	-7.000	-7.000	-	11.000	
1	Trụ sở làm việc Hội Nông dân tỉnh		11.000	18.000	-7.000	-7.000		11.000	
B	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG		17.171.206	4.273.421	1.856.271	582.450	1.273.821	6.129.692	
I	Đề án, dự án quan trọng, cấp bách phát sinh chưa có trong KH trung hạn		1.459.771	-	364.601	364.601	-	364.601	
	Các đề án		1.408.534	-	324.601	324.601	-	324.601	
1	Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025	45/NQ-HĐND; 07/9/2022	708.534		163.166	163.166		163.166	
2	Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025	46/NQ-HĐND; 07/9/2022	700.000		161.435	161.435		161.435	
	Y tế		14.950	-	14.950	14.950	-	14.950	
1	Sửa chữa các khoa Nội tổng hợp, Nội tiêu hóa, Ngoại lồng ngực Bệnh viện đa khoa tỉnh		14.950		14.950	14.950		14.950	
	Môi trường		16.237	-	5.000	5.000	-	5.000	
1	Bãi xử lý rác tạm thời tại xã Canh Hiệp	446/QĐ-UBND; 13/02/2022	16.237		5.000	5.000		5.000	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và nước sạch nông thôn		450	-	450	450	-	450	
1	Cắm mốc hành lang thoát lũ các nhánh sông Hà Thanh đoạn từ cầu Diêu Trì đến đầm Thị Nại		450		450	450		450	
	Quản lý nhà nước - Quốc phòng an ninh		15.000	-	15.000	15.000	-	15.000	
1	Hiện đại hóa các trang thiết bị phòng họp của Văn phòng UBND tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh		15.000		15.000	15.000		15.000	
	Văn hóa thể thao		4.600	-	4.600	4.600	-	4.600	
1	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lê Đại Càng		4.600		4.600	4.600		4.600	
II	Đối ứng dự án ODA		84.613	-	10.600	10.600	-	10.600	
1	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Bình Định		84.613		10.600	10.600		10.600	
III	Dự án đã quyết toán		36.143	-	1.938	1.938	-	1.938	

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Trong đó		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMĐT			Điều chỉnh do giãn tiến độ, giảm quy mô thực hiện các dự án	Bổ sung tổng nguồn		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương (đoạn từ ngã ba Ông Thọ đến cầu Sông Ngang)	4302/QĐ-UBND; 27/10/2021	36.143		1.938	1.938		1.938	
IV	Dự án đã có trong KH trung hạn		15.590.679	4.273.421	1.479.132	205.311	1.273.821	5.752.553	
	Giáo dục đào tạo		97.861	29.150	10.500	10.500	-	39.650	
1	Đầu tư, xây dựng các Trường THPT được di chuyển, sắp xếp lại theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 (HM: Trường THPT Nguyễn Hữu Quang, Trường THPT Phan Bội Châu)	51/QĐ-UBND ngày 07/01/2022	68.000	10.000	8.000	8.000	-	18.000	
2	Trường THPT Ngô Lê Tân	52/QĐ-SKHĐT; 20/4/2022	10.831	10.000	600	600	-	10.600	
3	Trường Tiểu học Vĩnh Hảo (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và 8 phòng lớp học)	166/QĐ-SKHĐT; 06/9/2022	8.608	6.000	470	470	-	6.470	
4	Trường THCS thị trấn Phù Mỹ (hạng mục: Nhà lớp học 03 tầng 12 phòng)	28/QĐ-SKHĐT; 01/3/2022 165/QĐ-SKHĐT; 06/9/2022	10.422	3.150	1.430	1.430	-	4.580	
	Giao thông vận tải		14.204.214	3.773.825	1.064.359	194.811	869.548	4.838.184	
1	Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát)	3700/QĐ-UBND; 14/10/2019 18/QĐ-UBND; 05/01/2021 2145/QĐ-UBND;	365.474	117.076	15.000	15.000	-	132.076	
2	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	4825/QĐ-UBND; 03/12/2021	791.386	205.000	40.000	40.000	-	245.000	
3	Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	2914/QĐ-UBND; 08/9/2022	1.490.101	210.000	40.000	40.000	-	250.000	
4	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	4093/QĐ-UBND; 06/10/2021	700.515	155.000	140.000	99.811	40.189	295.000	
5	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	3833/QĐ-UBND; 16/9/2021 2768/QĐ-UBND; 26/8/2022	703.901	140.000	140.000		140.000	280.000	
6	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	1338/QĐ-UBND; 18/4/2019 3975/QĐ-UBND; 25/9/2020 905/QĐ-UBND; 23/3/2022	1.355.000	617.747	79.000		79.000	696.747	
7	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	3758/QĐ-UBND; 10/9/2021	1.043.639	245.000	113.000		113.000	358.000	
8	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	3728/QĐ-UBND; 08/9/2021	2.674.648	320.000	100.000		100.000	420.000	
9	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Vãn)	2022/QĐ-UBND; 19/5/2021 1398/QĐ-UBND; 29/4/2022	84.174	69.998	14.176		14.176	84.174	

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTTD/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Trong đó		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMBT			Điều chỉnh do giãn tiến độ, giảm quy mô thực hiện các dự án	Bổ sung tổng nguồn		
10	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	1892/QĐ-UBND; 13/6/2022	336.001	120.000	20.000		20.000	140.000	
11	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hào Tây	5425/QĐ-UBND; 31/12/2021	69.900	32.000	37.000		37.000	69.000	
12	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	3917/QĐ-UBND; 29/10/2019 3756/QĐ-UBND; 10/9/2021	611.654	200.000	110.000		110.000	310.000	
13	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	06/NQ-HĐND; 23/3/2022	797.000	190.000	91.995		91.995	281.995	
14	Tuyến đường quốc lộ 19 (cảng QN đến giao Quốc lộ 1A)	2000/QĐ-UBND ngày 18/9/2012; 1373/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	2.328.344	959.360	8.000		8.000	967.360	
15	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn)	2504/QĐ-SKHĐT; 10/8/2022	79.722	59.107	10.000		10.000	69.107	
14	Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát)		250.000	59.000	10.000		10.000	69.000	
20	Đường phía Tây huyện Văn Canh (đoạn từ xã Canh Hiền đến xã Canh Vinh)	520/QĐ-SKHĐT	9.890	3.337	188		188	3.525	
21	Cầu qua sông Kôn, từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh		75.001	8.000	11.000		11.000	19.000	
22	Tuyến đường tránh qua Nhơn Lý		100.812	25.000	40.000		40.000	65.000	
23	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629	2926/QĐ-UBND; 09/09/2022 3793/QĐ-UBND; 17/11/2022	53.200	6.000	15.000		15.000	21.000	
24	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến đường Tài Lương - Ca Công và tuyến đường Bình Chương - Hoài Mỹ), huyện Hoài Nhơn	3990/QĐ-UBND; 28/9/2020 1250/QĐ-UBND; 18/04/2022	283.852	32.200	30.000		30.000	62.200	
	HTKT đô thị, môi trường, KDC, khu TĐC, chợ, điện		39.530	10.000	29.250	-	29.250	39.250	
1	Xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh	2204/QĐ-UBND; 15/7/2022	39.530	10.000	29.250		29.250	39.250	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và nước sạch nông thôn		573.990	215.109	182.000	-	182.000	397.109	
1	Dự án: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tấn, thị xã An Nhơn	542/QĐ-UBND; 22/02/2022	75.240	34.111	20.000		20.000	54.111	
2	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	82/NQ-HĐND; 11/12/2021	180.000	78.998	70.000		70.000	148.998	
3	Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài		52.000	20.000	22.000		22.000	42.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Trong đó		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMBT			Điều chỉnh do giãn tiến độ, giảm quy mô thực hiện các dự án	Bổ sung tổng nguồn		
4	Kênh tưới thôn Thuận Hạnh - Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn	3017/QĐ-UBND; 17/9/2022	60.000	8.000	30.000		30.000	38.000	
5	Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ		95.000	40.000	15.000		15.000	55.000	
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn		90.000	30.000	20.000		20.000	50.000	
7	Đầu tư xây dựng, sửa chữa các nhà quản lý, vận hành theo cụm công trình hồ chứa nước mới nhận bàn giao của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định		21.750	4.000	5.000		5.000	9.000	
	Quản lý nhà nước - Quốc phòng an ninh		493.347	163.702	142.200	-	142.200	305.902	
1	Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an các xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	29/NQ-HĐND 20/7/2022	392.000	90.000	120.000		120.000	210.000	
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc Văn phòng Tỉnh ủy - 102 Nguyễn Huệ	340/QĐ-UBND; 27/01/2022	30.234	20.000	10.000		10.000	30.000	
3	Cải tạo, sửa chữa nhà 04 Trần Phú	3866/QĐ-UBND; 22/11/2022	11.219	2.000	5.000		5.000	7.000	
4	Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát Giao thông thuộc Công an tỉnh Bình Định	2234/QĐ-UBND; 03/06/2021	49.956	46.702	3.200		3.200	49.902	
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Công Thương	2890/QĐ-UBND; 06/09/2022	9.938	5.000	4.000		4.000	9.000	
	Thông tin truyền thông		34.676	15.000	19.000	-	19.000	34.000	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (dự án 27)	3715/QĐ-UBND; 10/11/2022	34.676	15.000	19.000		19.000	34.000	
	Văn hóa thể thao		47.713	7.635	600	-	600	8.235	
1	Tượng đài Khởi nghĩa Vĩnh Thạnh	3761/QĐ-UBND; 30/10/2018 4422/QĐ-UBND; 27/11/2019	47.713	7.635	600		600	8.235	
	Y tế		99.348	59.000	31.223	-	31.223	90.223	
1	Dự án: Cải tạo, sửa chữa Nhà khoa Khám BVĐK tỉnh Bình Định	2329/QĐ-UBND; 27/07/2022	38.847	12.000	24.000		24.000	36.000	
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục Khoa Truyền nhiễm	95/QĐ-SKHĐT; 08/6/2022	14.602	13.000	1.000		1.000	14.000	
3	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Thạnh	164/QĐ-SKHĐT; 30/8/2022	7.202	3.000	2.485		2.485	5.485	
4	Cải tạo, sửa chữa khu nhà hành chính, tường rào cổng ngõ của Bệnh viện đa khoa tỉnh	279/QĐ-SKHĐT; 01/10/2021	14.797	11.000	838		838	11.838	
5	Bệnh viện Tâm thần Bình Định	1864/QĐ-UBND; 10/6/2022	10.000	8.000	1.000		1.000	9.000	
6	Nhà lắp đặt máy xạ trị gia tốc bệnh viện Đa Khoa tỉnh	1863/QĐ-UBND; 10/6/2022	13.900	12.000	1.900		1.900	13.900	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

Kèm theo Quyết định số ~~4262~~ **4262**/QĐ-UBND ngày ~~18~~ **18**/12/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/QĐ đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMBT				
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH						
I	SỞ NỘI VỤ						
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-800		
1	Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định	918/QĐ-UBND; 24/3/2016	21.190	7.100	-800	6.300	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				800		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Nội vụ	11/QĐ-SKHĐT; 19/01/2022	9.800	9.000	800	9.800	
II	SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI						
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-715		
1	Đền thờ các liệt sĩ Sư đoàn 3 Sao vàng tại xã Bình Tân, huyện Tây Sơn (Khu tưởng niệm liệt sĩ Thuận Ninh)	101/QĐ-SKHĐT; 04/7/2016	8.837	715	-715	-	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				715		
5	Xây dựng, sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định	180/QĐ-SKHĐT; 03/10/2022	13.789	12.341	715	13.056	
III	UBND HUYỆN HOÀI AN						
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-8.514		
1	Khắc phục lũ lụt tuyến đường Suối Le - Tân Xuân	18/QĐ-SKHĐT; 18/01/2021	9.900	7.425	-7.425	-	
2	Trường Tiểu học Ân Phong, hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng (điểm An Hòa)	192/QĐ-SKHĐT; 11/8/2020	3.369	1.024	-524	.500	
3	Trường tiểu học Ân Hảo Đông (điểm Hội Trung), hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	193/QĐ-SKHĐT; 11/8/2020	3.504	1.065	-565	500	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				8.514		
1	Xây dựng cầu vượt lũ Hiệp Định	2621/QĐ-UBND; 16/8/2022	35.293	12.900	2.583	15.483	

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/QĐ đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMBT				
2	Tuyến đường từ cầu Mực Kiến giao ĐT.638 đi xã Đak Mang	429/QĐ-UBND; 11/2/2022	69.526	33.700	5.931	39.631	
IV	UBND THỊ XÃ HOÀI NHƠN						
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-10.615		
1	Nhà trung bày sản phẩm Làng nghề rèn Tây Phương Danh phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	292/QĐ-SKHĐT; 31/10/2017	1.726	690	-51	639	
2	Đê Thiết Trụ đoạn nối tiếp, xã Nhơn Hậu	5449/QĐ-UBND; 27/10/2017	7.462	1.064	-1.064	-	
3	Kè sông Gò Chàm khu vực Tiên Hòa, phường Nhơn Hưng	4061/QĐ-UBND; 30/10/2017	19.937	5.225	-3.523	1.702	
4	Đê Gò Chòi, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	3779/QĐ-UBND; 30/10/2018	13.435	2.444	-1	2.443	
5	Kè sông Gò Chàm (đoạn nối tiếp), khu vực Phò An, phường Nhơn Hưng	197/QĐ-SKHĐT; 21/9/2018	5.978	687	-625	62	
6	Trường Mẫu giáo Nhơn Mỹ (Thiết Tràng)	241/QĐ-SKHĐT; 30/10/2017	3.211	126	-126	-	
7	Trường TH số 2 Nhơn Hạnh (Thái Xuân)	220/QĐ-SKHĐT; 27/10/2017	3.881	305	-39	266	
8	Trường THCS Nhơn Mỹ (2t, 8P)	242/QĐ-SKHĐT; 30/10/2017	6.542	375	-375	-	
9	Trường TH số 01 Nhơn Hòa. HM: xây dựng mới Nhà 02 tầng 06 phòng	212/QĐ-SKHĐT; 24/10/2017	3.610	523	-95	428	
10	Trường Tiểu học số 2 Nhơn An 02 tầng 6 phòng	232/QĐ-SKHĐT; 29/10/2018	3.667	530	-530	-	
11	Trường Mầm non Nhơn Lộc, HM: 3P, tường rào cổng ngõ	239/QĐ-SKHĐT; 30/10/2018	3.461	600	-124	476	
12	Trường TH số 2 Hoài Mỹ. HM: NLH, nhà bộ môn 02T08P	326/QĐ-SKHĐT; 18/11/2021	5.312	5.492	-4.062	1.430	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				10.615		
1	Trường THCS Đập Đá - hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	29/QĐ-SKHĐT; 14/1/2020	5.722	700	1.567	2.267	
2	Trụ sở UBND xã Nhơn Mỹ		14.000	4.000	756	4.756	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong	3426/QĐ-UBND; 21/10/2022	47.134	9.000	2.952	11.952	

STT	Danh mục dự án	Quyết định CTĐT/QĐ đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh (*)	Điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMĐT				
4	Kè chống xói lở bờ Nam sông Lại Giang (đoạn từ cầu đường sắt đến cầu ông Châu)	3581/QĐ-UBND; 04/10/2019 3346/QĐ-UBND; 11/8/2021	12.396	7.169	1.500	8.669	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến đường Tài Lương – Ca Công và tuyến đường Bình Chương – Hoài Mỹ), huyện Hoài Nhơn	3990/QĐ-UBND; 28/9/2020 1250/QĐ-UBND; 18/04/2022	283.852	32.200	2.562	34.762	
6	Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn	09/NQ-HĐND; 23/3/2022	104.785	28.000	1.278	29.278	
B	ĐIỀU CHỈNH GIÁM VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP						
I	BQL KHU KINH TẾ						
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-9.000		
1	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 Khu đô thị mới Nhơn Hội	661a/QĐ-BQL; 30/10/2017	185.769	8.500	-5.000	3.500	
2	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 8 Khu đô thị mới Nhơn Hội	661b/QĐ-BQL; 30/10/2017	149.627	10.000	-4.000	6.000	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				9.000		
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội - Nhơn Hải (đoạn từ Bãi Rỗi đến trạm bơm tăng áp Nhơn Hội)	321/QĐ-BQL ngày 19/7/2022	76.711	30.000	9.000	39.000	
II	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH						
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-2.745		
1	Cải tạo, xây dựng hành lang cầu nối kết nối toàn bộ các khoa, phòng và cải tạo cảnh quan sân vườn, đường nội bộ trong khuôn viên BVĐK tỉnh Bình Định	300/QĐ-SKHĐT; 05/11/2020	14.976	10.484	-2.745	7.739	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				2.745		
1	Sửa chữa, chống thấm dột sàn, thay mái tôn và sửa chữa khu vệ sinh các khoa Ngoại tiết niệu, Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương - bỏng và Khoa ung bướu khu nhà 300 giường thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3373/QĐ-UBND; 17/10/2022 227/QĐ-SKHĐT; 29/11/2022	3.750	1.005	2.745	3.750	
C	ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÁC NHIỆM VỤ						
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-50.000		
1	Hỗ trợ, đối ứng các dự án PPP và các dự án thuộc Chương trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			180.000	-50.000	130.000	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				50.000		
1	Xây dựng nhà ở cho người nghèo				50.000	50.000	

Ghi chú: (*) Không phân biệt nguồn vốn



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH

Kèm theo Quyết định số ~~4268~~ 4268/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án tại phụ lục 06 Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 và các Quyết định điều chỉnh	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
I	Dự án điều chỉnh tên		
1	Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT 639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh(giai đoạn 2)	Khu đô thị thương mại - dịch vụ phía Tây Bàu Hồ, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn	
2	Khu dân cư tại khu vực phía Đông Tuyến đường ĐT.638 (đường phía Tây tỉnh), xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	Khu dân cư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	
II	Dự án bổ sung mới		
1		Hạ tầng kỹ thuật tại quỹ đất phía Tây Bệnh viện Y học cổ truyền	
2		Đường giao thông vào các khu đất sản xuất hồ chứa nước Đồng Mít	Bồi thường GPMB